

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Hồng

2. Bà Trịnh Thị Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Ngọc T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản A, xã A1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản A, xã A1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trương Ngọc T trình bày như sau:

Chị và anh Trần Ngọc Đ kết hôn với nhau từ năm 2015 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã A1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 30/3/2015. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục

tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, gia đình sống không hòa thuận. Nguyên nhân là do trong khi chuyển ra ở riêng, làm ăn thất thoát, hai bên không tìm được tiếng nói chung, anh Đ mải chơi, không chịu làm ăn và có hành vi đánh đập chị. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Tình cảm vợ chồng dần không còn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng khuyên bảo, động viên hai vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái nhưng anh Đ không thay đổi, chị xác nhận không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Trần Nhật D, sinh ngày 12/8/2015 và cháu Trần Đình P sinh ngày 15/12/2016. Thời điểm anh chị ly thân hai gia đình tự nguyện thỏa thuận anh Đ nhận nuôi dưỡng cháu D, chị T nhận nuôi dưỡng cháu Phú. Tuy nhiên, được một thời gian gia đình anh Đ đến đón cháu Phú về bên nội chơi nhưng sau đó chị T lên thăm đón con không được nhà chồng cho phép. Nguyên vọng của chị là mong muốn được chăm sóc nuôi dưỡng cháu P như thỏa thuận ban đầu do cháu còn quá nhỏ (dưới 3 tuổi) cần sự chăm sóc của mẹ và anh Đ không được cản trở việc chị thăm gặp cháu D. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh Trần Ngọc Đ trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn anh Đ trình bày thống nhất với lời khai của chị T. Anh chị tự nguyện kết hôn, có đi đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Theo anh, hai vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh là do thời gian anh chị xin phép gia đình ra sống riêng để làm ăn buôn bán bị thua lỗ, mâu thuẫn kinh tế gia đình làm tình trạng hôn nhân của anh chị căng thẳng. Hai bên không tìm được tiếng nói chung nên chị T tự ý bế con bỏ về nhà ngoại sống mà không tôn trọng anh cùng gia đình chồng. Thời gian anh chị ly thân chị T bỏ đi Hà Nội làm ăn không quan tâm đến gia đình. Anh xác nhận không thể tiếp tục chung sống cùng chị T nên cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Nguyên vọng của anh khi ly hôn thì anh mong muốn được nuôi cả hai con chung là cháu Trần Nhật D và cháu Trần Đình P vì anh cho rằng các cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc chu đáo của gia đình. Chị T đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc con. Thời gian cháu Phú ở cùng chị T thường xuyên ốm yếu, chị T không thực hiện tốt nghĩa vụ của người mẹ với con nên anh mới đón con về sống chung. Vì vậy, anh mong muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu. Anh không đề nghị chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào đề nghị của nguyên đơn và xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả xác định anh chị kết hôn từ năm 2015 và chung sống cùng gia đình anh Đ tại bản 428, xã A1, huyện Mai Sơn. Về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trong thời gian anh chị ra ở riêng, hai bên rạn nứt tình cảm chị T đưa cháu Phú về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Năm 2017 anh Đ cùng hai con chung là các cháu Trần Nhật D và cháu Trần Đình P về ở tại hộ gia đình ông Trần Đình Tuấn, bà Đào Thị Kim Dung (bố mẹ đẻ anh Đ) đến nay và không cho phép chị T thăm gặp con. Anh Đ có hành vi đe dọa, uy hiếp đối với chị T đã bị Ban công an xã xử lý bằng hình thức cảnh cáo. Ban quản lý bản có tổ chức hòa giải cho hai bên nhưng khi đang làm việc anh Đ bỏ về, tỏ thái độ không hợp tác nên việc hòa giải không thành.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Trần Nhật D và cháu Trần Đình P. Quá trình anh chị ly thân, chị T có đến xin thăm gặp, đón con nhưng không được sự đồng ý của anh Đ và có xảy ra xô xát. Quan điểm của chính quyền địa phương: Do cháu Phú chưa đủ 36 tháng tuổi, cần được sự chăm sóc của mẹ nên đề nghị Tòa án giao cháu Phú cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Cháu D hiện đang sống cùng anh Đ và được đảm bảo cuộc sống phát triển tốt, anh Đ chị T đều đồng ý để cháu D ở cùng bố. Hai bên đều có việc làm và thu nhập đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị sống cùng bố mẹ đẻ anh Đ nên cũng không có tài sản chung gì có giá trị. Anh chị không có nợ chung. Nay Tòa án giải quyết vụ án xin ly hôn giữa chị T và anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự, từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Ngọc T đối với anh Trần Ngọc Đ. Về con chung: Giao Trần Nhật D, sinh ngày 12/8/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Trần Đình P sinh ngày 15/12/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn chị Trương Ngọc T trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là được ly hôn với anh Trần Ngọc Đ. Chị T và anh Đ đều có Hộ khẩu thường trú tại Bản 428, xã A1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn chị Trương Ngọc T, bị đơn anh Trần Ngọc Đ để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Trần Ngọc Đ và chị Trương Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, anh chị đã được UBND xã A1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/3/2015. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị không hòa hợp, không thống nhất về kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương xác định: giữa anh chị có mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, anh Đ có hành vi bạo lực đối với chị T. Việc mâu thuẫn diễn ra đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do

đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là cháu Trần Nhật D, sinh ngày 12/8/2015 và cháu Trần Đình P sinh ngày 15/12/2016. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy:

Đối với cháu Trần Nhật D, sinh ngày 12/8/2015. Anh Đ, chị T tự nguyện thỏa thuận sẽ giao cháu D cho anh Đ trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Đ không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ. Việc chị T, anh Đ thống nhất trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh Đ, chị T về việc nuôi cháu D.

Đối với cháu Trần Đình P. Chị T, anh Đ đều có nguyện vọng được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phú khi ly hôn. Cháu Phú sinh ngày 15/12/2016 hiện dưới 3 tuổi. Thực tế, từ khi anh chị ly thân, cháu Phú sống cùng với mẹ tại tiểu khu 3, xã Cò Nòi. Đến tháng 3 năm 2018 gia đình anh Đ đón cháu về ở cùng tại bản 428, xã A1, huyện Mai Sơn và không cho chị T đón cháu Phú về lại. Nhiều lần chị T đến thăm gặp con nhưng đều bị anh Đ ngăn cản, sử dụng dao đe dọa. Hành vi của anh Đ đã bị Ban công an xã A1 lập biên bản và xử lý bằng hình thức cảnh cáo. Chị T có công việc và thu nhập 5.000.000VNĐ/ 1 tháng, ngoài chị còn có sự giúp đỡ của ông bà ngoại trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phú.

Do vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chung dưới 36 tháng tuổi, căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Phú cho chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phú cùng chị T do chị T không yêu cầu.

[2.3] *Về tài sản chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đ, chị T đều xác nhận không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[2.4] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Đ, chị T đều xác nhận không có nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Ngọc T và anh Trần Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nhật D, sinh ngày 12/8/2015 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D thành niên (đủ 18 tuổi). Giao cháu Trần Đình P sinh ngày 15/12/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Phú thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, các bên được quyền thăm nom con, không ai được cản trở các bên được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002134 ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã A1;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Thị Chơ